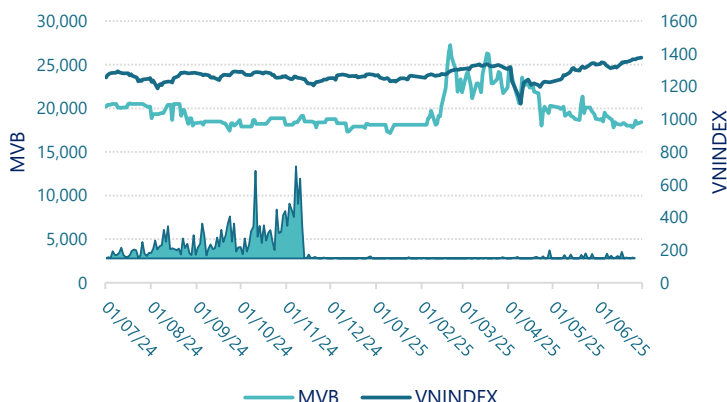


Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (HNX: MVB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,245
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,147
SL cổ phiếu LH	105,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,865
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,932
P/E	14.7
EPS	1,252

DT thuần

Q2/25

1,543

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 158 | 11.4%

YoY: ▲ 245 | 18.9%

LN sau thuế

Q2/25

109

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.5 | 50.2%

YoY: ▲ 27.6 | 33.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.3%

+/- YoY: ▲ 1.0%

DT thuần

6T 2025

2,929

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 459 | 18.6%

LN sau thuế

6T 2025

181

tỷ VNĐ

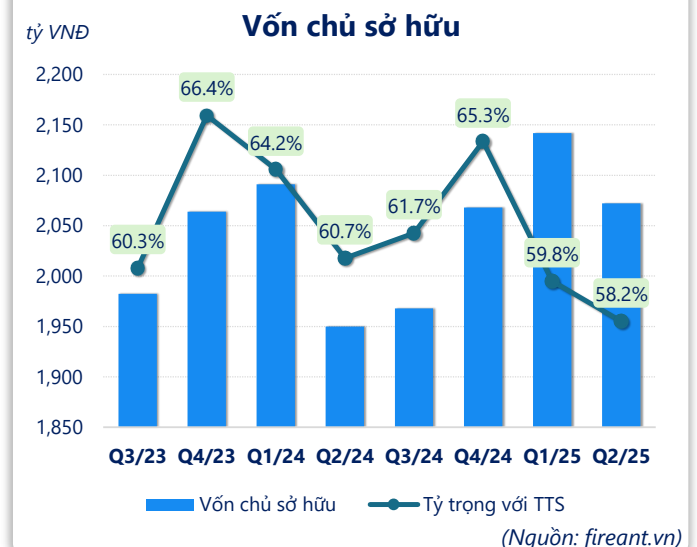
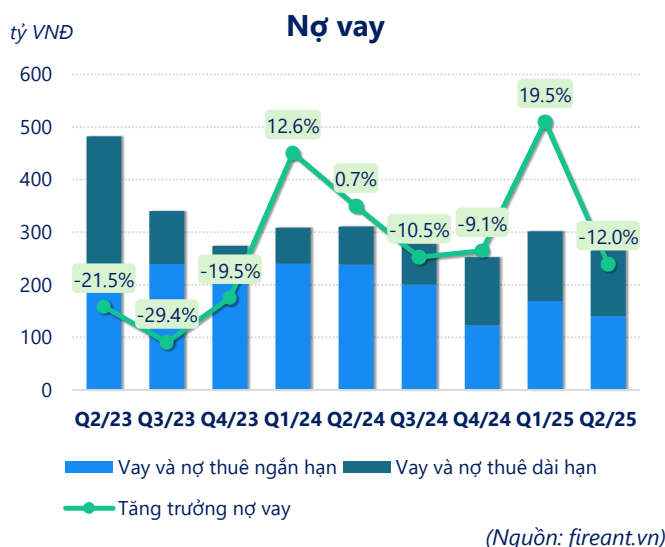
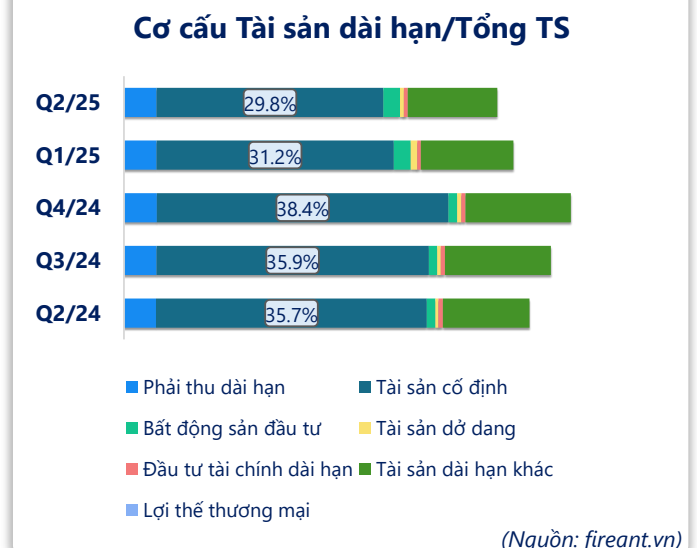
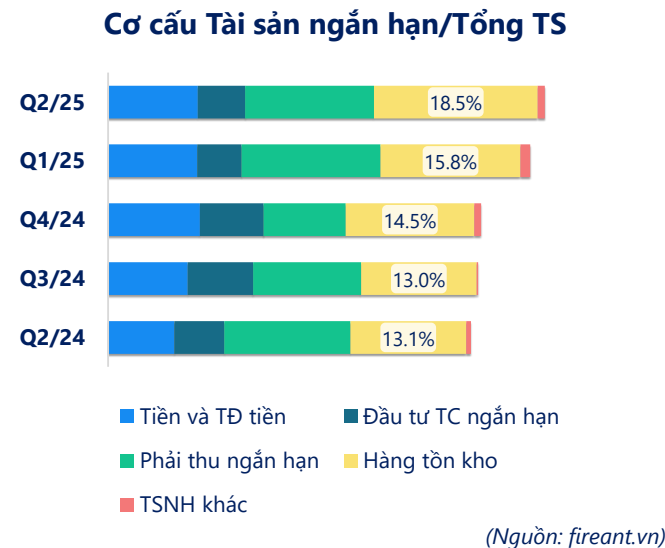
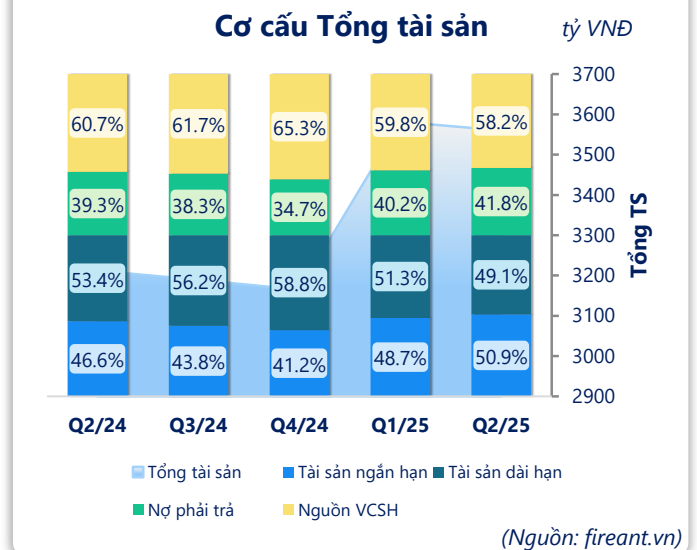
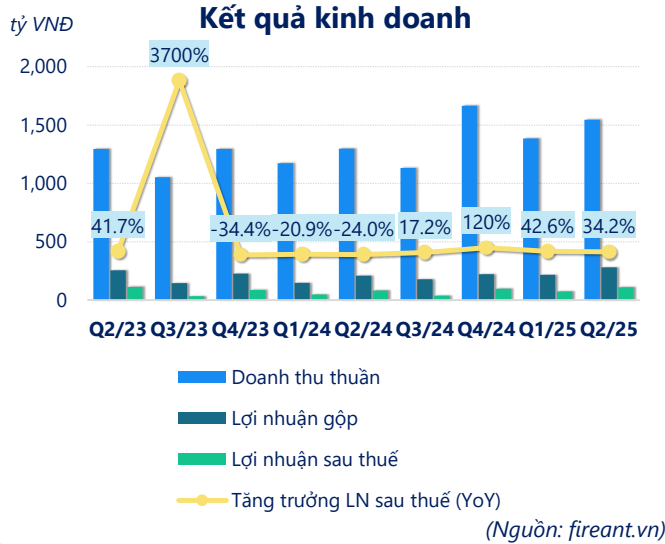
YoY: ▲ 52.0 | 40.9%

ROE

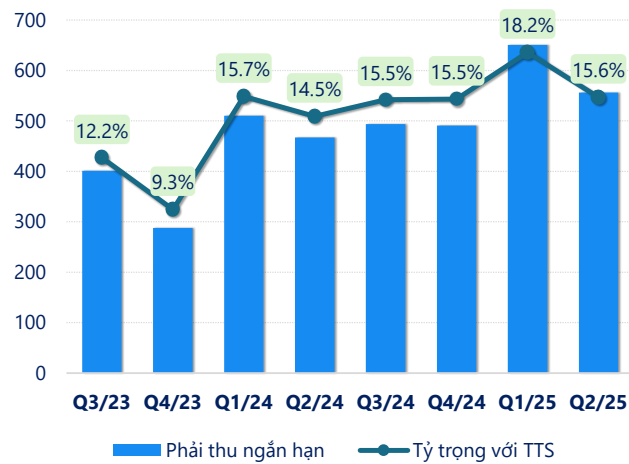
Q2/25

6.5%

+/- YoY: ▼ 4.1%

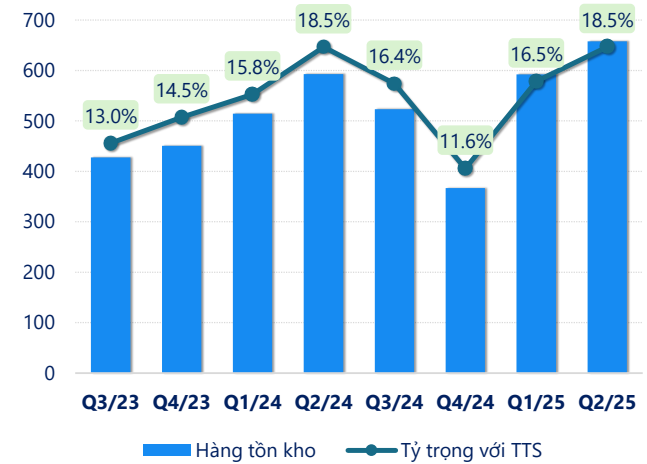


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


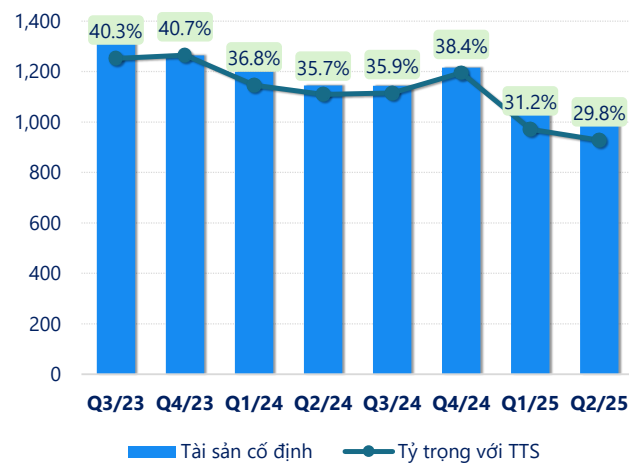
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


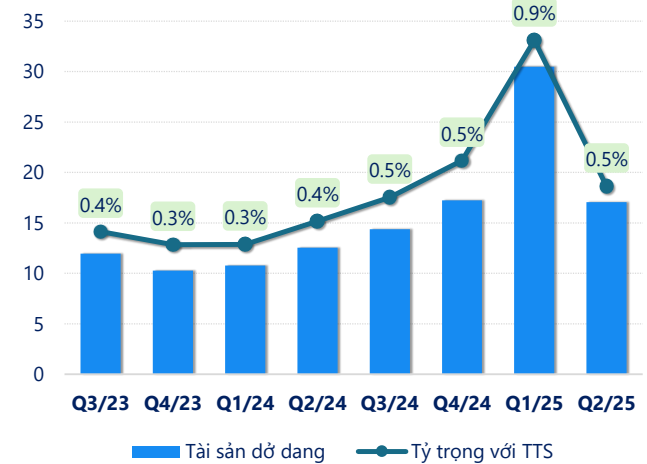
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

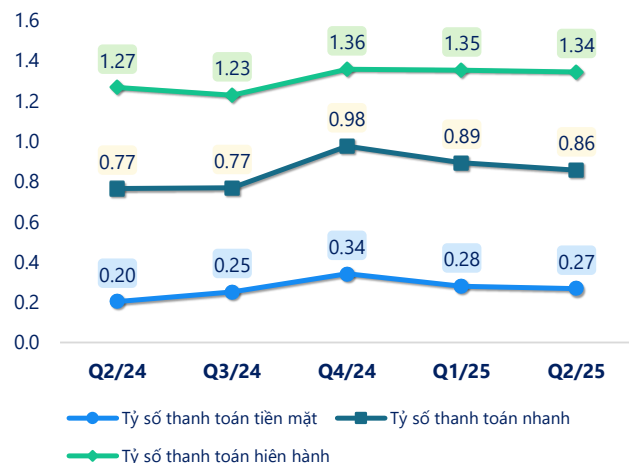
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

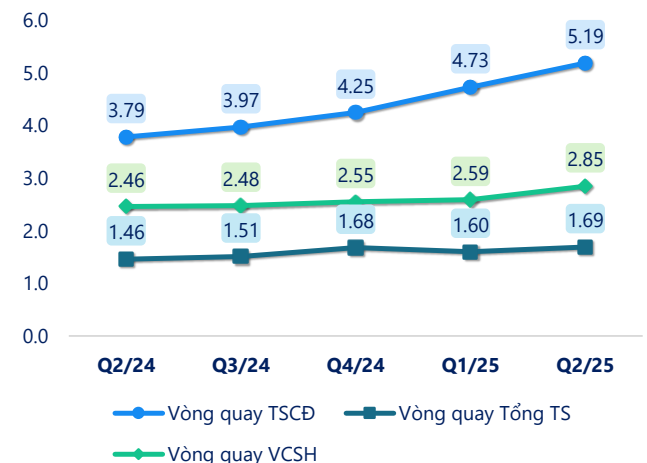
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	3,212	3,189	3,165	3,581	3,560
Tài sản ngắn hạn	1,498	1,396	1,303	1,746	1,811
Tiền và tương đương tiền	240	286	328	360	361
Đầu tư tài chính ngắn hạn	171	81.0	101	121	212
Phải thu ngắn hạn	467	494	491	651	556
Hàng tồn kho	593	523	367	592	658
Tài sản ngắn hạn khác	26.1	12.4	16.6	22.4	23.8
Tài sản dài hạn	1,714	1,793	1,862	1,836	1,750
Phải thu dài hạn	136	136	137	154	153
Tài sản cố định	1,145	1,143	1,216	1,118	1,062
Bất động sản đầu tư	36.3	35.6	35.0	80.0	79.1
Tài sản dở dang	12.5	14.4	17.2	30.5	17.0
Đầu tư tài chính dài hạn	18.3	18.3	18.3	17.5	18.3
Tài sản dài hạn khác	366	445	439	436	420
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,262	1,221	1,097	1,440	1,488
Nợ ngắn hạn	1,183	1,137	960	1,291	1,347
Vay và nợ thuê ngắn hạn	238	200	123	169	140
Phải trả người bán ngắn hạn	425	459	367	521	474
Nợ dài hạn	79.5	84.8	137	149	142
Vay và nợ thuê dài hạn	72.2	77.5	130	133	125
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,950	1,968	2,068	2,142	2,072
Vốn chủ sở hữu	1,950	1,968	2,068	2,142	2,072
Vốn điều lệ	1,050	1,050	1,050	1,050	1,050
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)